

Số: 356/QĐ-CĐKTKT-CTHSSV

Thái Nguyên, ngày 2 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn học phí tháng 1 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015;

Căn cứ quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ hồ sơ và đơn xin miễn, giảm học phí của học sinh, sinh viên;
Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí năm 2020 cho 36 học sinh, sinh viên K14CĐ; K15CĐ và K43TC. Thời gian được miễn học phí tháng 01 năm 2020 (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền: **27.980.000đ**

(Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, Phòng KH-TC, Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Khoa KTNL, Khoa KHCB, Khoa KT&QTKD, Khoa CNTT và học sinh, sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KH-TC, các khoa;
- Website;
- Lưu: VT, P. CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ THÁNG 1 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 356/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)



TT	Mã HSSV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Năm nghèo	Mức HP(đ)	Tỷ lệ miễn giảm	Thời gian được hưởng	Thành tiền (đ)	Ghi chú
1	CDT12021865202270003	Ma Duy Đạt	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
2	CDT12021865202270006	Triệu Văn Hải	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
3	CDT12021865202270013	Trương Văn Hoàng	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
4	CDT12021865202270014	Chu Gạ Phạ	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
5	CDT12021865202270015	Nguyễn Hữu Phúc	K14CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
6	CDT12021865103030020	Nguyễn Văn Lượng	K14CĐ-Điện	HNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
7	CDT12021865103030017	Nguyễn Hoàng Phương	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
8	CDT12021865103030021	Hoàng Minh Sơn	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
9	CDT12021865103030032	Phạm Văn Duy	K14CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
10	CDT12021965103030026	Nông Hà Duy	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
11	CDT12021965103030017	Nguyễn Thành Duy	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
12	CDT12021965103030002	Nguyễn Thanh Hải	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
13	CDT12021965103030029	Lò Che Phạ	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
14	CDT12021965103030031	Ma Quang Thật	K15CĐ-Điện	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
15	CDT12021965202270011	Hoàng Văn Thạnh	K15CĐ-ĐCN	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
16	CDT12021865102160005	Trần Văn Điệp	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
17	CDT12021865102160003	Bàn Phúc Hương	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
18	CDT12021865102160002	Chu Văn Tuyền	K14CĐ-Ô tô	HNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
19	CDT12021965102160029	Đặng Văn Long	K15CĐ-Ô tô	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
20	CDT12021965102160002	Triệu Quang Thành	K15CĐ-Ô tô	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
21	CDT12021965102010021	Triệu Thanh Huy	K15CĐ-CNKT Cơ khí	CNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
22	CDT12021964802010007	Vương Quốc An	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
23	CDT12021964802010006	Vương Thanh Bình	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
24	CDT12021964802010008	Hoàng Minh Quang	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
25	CDT12021964802010018	Hoàng Thị Oanh	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
26	CDT12021964802010016	Lý Thị Thu Thủy	K15CĐ-Tin	CHNGHEODT	2020	810.000	100%	1	810.000	
27	CDT12021856401010001	Hoàng Hùng Văn	K42TC-TY	CNGHEODT	2020	620.000	100%	1	620.000	
28	CDT12021862202110010	Nông Thị Anh	K14CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	2020	710.000	100%	1	710.000	
29	CDT12021862202110002	Lưu Thị Huế	K14CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	2020	710.000	100%	1	710.000	